

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 17/02/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thanh Tuyền

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Kim L**, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1946 và anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Kim L trình bày: Vì chỗ hàng xóm với nhau, năm 2015 bà Lê Thị H và con trai là Nguyễn Văn U có nợ của bà số tiền là 50.000.000đồng. Đây là nợ vay mượn nhiều lần rồi bà và bà H thống nhất chốt nợ lại. Bà H, anh U có làm biên nhận ngày 22/3/2015 và hứa trả mỗi tháng 2.000.000đồng trong vòng 12 tháng, số

tiền còn lại sẽ trả xong ngày 22/3/2016. Sau đó bà H chỉ trả được 6 lần tổng cộng số tiền là 13.165.000đồng, còn lại 36.835.000đồng chưa trả. Bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H chỉ hứa hẹn mà không trả. Bà khởi kiện yêu cầu bà H , anh U phải trả cho bà số tiền còn nợ là 36.835.000đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà thừa nhận bà và con Nguyễn Văn U có ký tên vào biên nhận ngày 22/3/2015 âm lịch mà bà L cung cấp. Trước đây bà có tham gia hội và nợ tiền hội do bà L làm chủ, bà L tính toán nợ gốc và lãi 75.000.000đồng. Sau đó bà và con bà có trả được một phần, hiện nay còn nợ bà L số tiền là 36.835.000đồng. Nợ này là nợ hội chứ không phải nợ vay.

Nay bà L khởi kiện thì bà có ý kiến, hiện nay hoàn cảnh bà khó khăn nên bà xin bà L cho trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết số tiền là 36.835.000đồng.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày và ý kiến của mẹ là bà Lê Thị H . Anh thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 22/3/2015 âm lịch mà bà L cung cấp. Đây là nợ hội của bà H nhưng vì bà H lớn tuổi, không có khả năng trả nên anh đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ cùng bà H. Trước đây anh cũng hứa trả mỗi tháng 2.000.000đồng nhưng không có khả năng.

Nay bà L khởi kiện thì anh có ý kiến, anh đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ cùng bà H cho bà L , nhưng hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên anh xin bà L cho anh và bà H trả mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết số tiền là 36.835.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà L yêu cầu bà H và anh U trả một lần hết số tiền còn nợ là 36.835.000đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Còn bà H , anh U cho rằng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết số tiền là 36.835.000đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về

hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Kim L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H , anh Nguyễn Văn U trả lại số tiền còn nợ. Bà H , anh U thừa nhận còn nợ và nhận trách nhiệm trả nợ. Theo Điều 274, 280, 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Bà L khởi kiện cho rằng bà H , anh U có nợ và làm biên nhận nợ cho bà ngày 22/3/2015 âm lịch, hiện nay còn nợ lại số tiền 36.835.000đồng. Bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay bà H , anh U chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, biên nhận nợ ngày 22/3/2015 âm lịch, lời khai của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 27/12/2022 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hiện nay bà H , anh U còn nợ bà L số tiền là 36.835.000đồng (bút lục 27, 28, 30). Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 274, 280, 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ, bà L khởi kiện yêu cầu bà H , anh U cùng có trách nhiệm trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà H , anh U cùng thống nhất nhận trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên cho bà L . Do đó, buộc bà H , anh U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền là 36.835.000đồng.

[4] Đối với ý kiến cũng như yêu cầu của bà H , anh U xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết số tiền là 36.835.000đồng do hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên bà L không đồng ý cho trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng. Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên hai bên đương sự thương lượng, thỏa thuận nhưng không thống nhất được với nhau. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ

thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bà H, anh U xin trả dần. Trường hợp bà H, anh U thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn đề cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H, anh U có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 36.835.000đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Anh U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 921.000đồng (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 280, 288, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Kim L.

Buộc bà Lê Thị H, anh Nguyễn Văn U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Kim L số tiền là 36.835.000đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Anh U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 921.000đồng (chín trăm hai mươi một nghìn đồng).

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh